TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NĂM CĂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 18-4-2022
V/v tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tạo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tiến;

Bà Tạ Huyền Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Tú Hương - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 18 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2022 về tranh chấp "Ly hôn và nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trịnh Hồng Q, sinh năm 1999 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 2, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông Trần Chí H, sinh năm 1995 (xin vắng mặt).

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp 2, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Chỗ ở hiện nay: Ấp BT 2, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 31 tháng 12 năm 2021 và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ thể hiện, nguyên đơn bà Trịnh Hồng Q trình bày yêu cầu:

- Về hôn nhân: Qua thời gian quen biết, tìm hiểu nhau nên bà Q và ông H kết hôn với nhau vào năm 2017, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục của người Việt Nam và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hàng Vịnh, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau. Khi mới kết hôn vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc nhưng đến năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm và ông H sống không chung thủy, bỏ đi làm ăn xa. Xét thấy, đời

sống chung không đạt được hạnh phúc, cuộc sống chung vợ chồng không thể tiếp tục duy trì nên bà Trịnh Hồng Q xin được ly hôn với ông Trần Chí H.

- Về con chung: Có 01 người con tên Trần Khánh D, sinh ngày 07/4/2018 (nam) hiện đang sống chung với bà Q. Khi ly hôn bà Q yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Q không đặt ra yêu cầu.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản gì lớn nên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với bị đơn ông Trần Chí H:* Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, đã hết thời hạn theo quy định pháp luật mà ông H không có văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu xin ly hôn của bà Q. Đồng thời, ông H có gửi đến Tòa án Đơn xin xét xử vắng mặt mà cũng không có trình bày ý kiến của mình về yêu cầu xin ly hôn của bà Q.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn vẫn bảo lưu yêu cầu như trình bày trên, bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Trần Chí H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, yêu cầu của đương sự phù hợp với khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

Về nội dung vụ án:

[1] Về hôn nhân: Bà Q và ông H tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2017, có tổ chức đám cưới theo phong tục truyền thống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hàng Vịnh, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau theo giấy chứng nhận kết hôn số 22 ngày 14 tháng 5 năm 2018. Vì vậy, quan hệ hôn nhân của bà Q và ông H được pháp luật công nhận là vợ chồng kể từ thời điểm đăng ký.

Xét thấy, bà Q xin ly hôn với ông H là vì trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm và ông H sống không chung thủy, bỏ đi làm ăn xa. Về phía ông H đã được Tòa án thông báo hòa giải hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng ông H vẫn vắng mặt và có gửi đến Tòa án Đơn xin xét xử vắng mặt mà cũng không có trình bày ý kiến của mình về yêu cầu xin ly hôn của bà Q, từ đó cho thấy ông H cũng không có thiện chí mong muốn hàn gắn quan hệ hôn nhân giữa bà Q với ông H. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà Q và ông H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được nếu duy trì hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Q. Bà Q được ly hôn với ông H theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về nuôi con chung: Bà Q xác định có 01 người con tên Trần Khánh D, sinh ngày 07/4/2018 (nam) hiện đang sống chung với bà Q. Khi ly hôn bà Q yêu cầu được tiếp tục được nuôi dưỡng và chăm sóc con. Xét thấy, từ khi bà Q và ông H sống ly thân cho đến nay thì cháu D vẫn sống chung với bà Q và cuộc sống của cháu đã được ổn định nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Q, giao con tên Trần Khánh D, sinh ngày 07/4/2018 (nam) cho bà Q được tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc.

Ông H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở. Tuy nhiên, lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó, theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung và nợ chung: Căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự *"Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó"*, do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch 300.000 đồng, người khởi kiện yêu cầu ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án có chấp nhận hay không chấp chận cho ly hôn đều phải chịu án phí nên bà Q phải chịu nộp 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã dự nộp.

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trịnh Hồng Q. Bà Trịnh Hồng Q được ly hôn với ông Trần Chí H.

2. Về nuôi con chung: Giao cho bà Trịnh Hồng Q nuôi dưỡng và chăm sóc con chung tên Trần Khánh D, sinh ngày 07/4/2018 (nam).

Ông H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch 300.000 đồng, bà Q phải chịu nộp án phí 300.000 đồng, bà Q có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015423 ngày 14 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Năm Căn được chuyển thu, không phải nộp tiếp.

"Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự".

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; vắng mặt tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tạo